

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty Cổ phần Chứng khoán CV Năm 2019

(theo Phụ lục số 04 - Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015  
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/3/2009 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 71/GPĐC-UBCK ngày 04/9/2018 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 11, Trung tâm thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.33770099
- Số fax: 024.32000247
- Website: <https://cvs.vn>.

#### *Quá trình hình thành và phát triển*

25/3/2009	Công ty được thành lập với tên ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
12/10/2017	Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK)
03/5/2018	Tăng Vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng (Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK)
11/7/2018	Bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK)
30/7/2018	Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán (Giấy chứng nhận số 18/GCN-UBCK)
04/9/2018	Công ty được chấp thuận thay đổi Người đại diện theo pháp luật (Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK), theo đó, Chủ

tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật.

02/11/2018	Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 158/GCNTVLK: Tên viết tắt là CVS, Số hiệu thành viên là 109.
29/01/2019	Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận là Thành viên giao dịch và được chấp thuận Kết nối giao dịch (các Quyết định số 70 và 71/QĐ-SGDHN ngày 29/01/2019).
04/3/2019	Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chấp thuận nguyên tắc là thành viên giao dịch và tham gia giao dịch trực tuyến (theo các Công văn số 381/SGDHCM-TV và 382/SGDHCM-HĐTV).
12/3/2019	Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh công nhận tư cách Thành viên giao dịch và được chấp thuận là thành viên giao dịch trực tuyến (các Quyết định số 59 và 60/QĐ-SGDHCM ngày 12/3/2019).
15/3/2019	Công ty được UBCKNN chấp thuận lập Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh (Quyết định số 189/QĐ-UBCK ngày 15/3/2019).

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a. Ngành nghề kinh doanh:

CVS cung cấp các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng. Các dịch vụ chính đã được cấp phép gồm:

- Môi giới chứng khoán khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tài chính khách hàng doanh nghiệp.

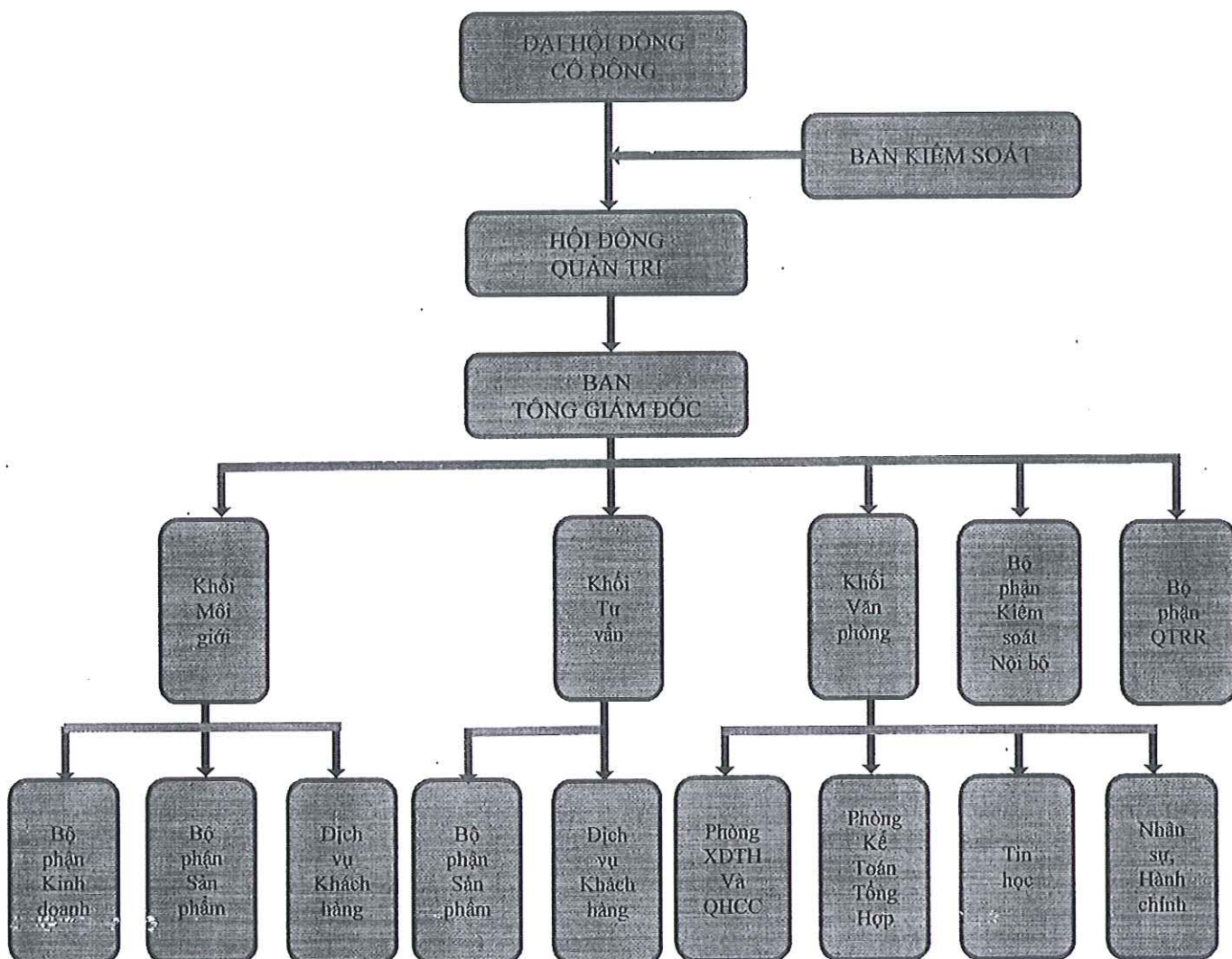
### b. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh chính hiện nay là tại Việt Nam. Công ty dự kiến mở rộng hoạt động sang Trung Quốc và Hồng Kông

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: mô hình công ty cổ phần với định hướng trở thành Tập đoàn gồm các công ty con và hệ thống Chi nhánh/Phòng giao dịch/Văn phòng đại diện.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:





- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - Kết nối đầu tư Việt Nam – Hồng Kông, Việt Nam – Trung Quốc;
  - Thu hút nguồn vốn ngoại, đặc biệt từ Trung Quốc và Hồng Kông vào đầu tư tại các doanh nghiệp Việt Nam.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Mở rộng khách hàng môi giới;
  - Mở rộng cơ sở khách hàng doanh nghiệp và đối tác nước ngoài phục vụ cho nhu cầu kết nối đầu tư đa phương.

## 5. Các rủi ro

### **Rủi ro kinh tế**

Các yếu tố kinh tế vĩ mô, như tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có các công ty chứng khoán. Để hạn chế tác động bất lợi từ các yếu tố kinh tế vĩ mô, CVS theo sát và cập nhật thường xuyên các biến động kinh tế vĩ mô, các thay đổi chính sách vĩ mô và tác động đến thị trường chứng khoán để chủ động đưa ra định hướng và kế hoạch phù hợp.

### **Rủi ro pháp luật**

Hoạt động của công ty chứng khoán được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Hệ thống luật vẫn đang được bổ sung và hoàn thiện nên sẽ có rủi ro liên quan đến thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán. CVS hạn chế rủi ro này bằng cách tăng cường đối thoại với các cơ quan quản lý để kịp thời nắm bắt những thay đổi điều chỉnh.

### **Rủi ro lãi suất**

Lãi suất thay đổi làm dịch chuyển dòng tiền trên thị trường tài chính, có thể làm thay đổi lượng tiền đầu tư vào thị trường chứng khoán và gián tiếp ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty. Thay đổi về lãi suất cũng ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty từ lãi tiền gửi. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất, Công ty chủ động cơ cấu tiền gửi với kỳ hạn và lãi suất hợp lý.

### **Rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường**

Các biến động về giá chứng khoán và thanh khoản trên thị trường chứng khoán sẽ ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng quy định về quản trị rủi ro, phân công nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm phụ trách quản trị rủi ro, đồng thời ứng dụng phần mềm quản lý để quản lý rủi ro một cách an toàn, hiệu quả.

### **Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro tổn thất tài chính do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty. Công ty đã xây dựng quy định về quản trị rủi ro và ứng dụng phần mềm quản lý để quản lý rủi ro một cách an toàn, hiệu quả.



## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2019 (triệu đồng)	% so với năm 2018
1	Doanh thu HĐKD	2.358	2.514	+6,6
2	Doanh thu hoạt động môi giới	-	1.217	-
3	Doanh thu hoạt động tư vấn	2.315	100	-95,7
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.270	665,2	-47,6
5	Chi phí HĐKD	431	9.998	+2.219,7
6	Lợi nhuận trước thuế	(14.954)	(19.185)	-28,2
7	Lợi nhuận sau thuế	(14.954)	(19.185)	-28,2

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán các năm 2018, 2019

- Đánh giá:

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục có sự thay đổi trong cơ cấu cổ đông lớn và cán bộ điều hành cấp cao. 2019 được coi là năm bản lề trong thay đổi định hướng kinh doanh của Công ty. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã có những cố gắng vượt bậc với mục tiêu hoạt động kinh doanh có trọng tâm, trọng điểm, dần tạo ra doanh thu, nỗ lực giảm lỗ lũy kế sau khi được cấp lại các nghiệp vụ. Tuy nhiên kết quả đạt được chưa như mong đợi, lý do chính xuất phát từ độ trễ trong kết quả kinh doanh của các nghiệp vụ, thực lực đội ngũ kinh doanh chưa sắc bén. Vì vậy, năm 2020 Công ty phải nỗ lực hơn rất nhiều trong việc định hướng và vận hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 2. Tổ chức và nhân sự

➤ *Danh sách Ban Tổng Giám đốc:*

STT	Họ tên	Chức danh	Cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	
	Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	725.000	8,06	

➤ *Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc:*

- **Tổng Giám đốc Nguyễn Kim Hậu**
  - Ngày sinh: 17/6/1971    Nơi sinh: Hà Nội    Quốc tịch: Việt Nam
  - CMND số 011485954, cấp ngày 28/4/2011 tại Hà Nội

- Hộ khẩu thường trú: Số 2 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1992 - 1998	Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	Chuyên viên Quan hệ Quốc tế
1999 - 2002	Công ty Tài chính Bưu điện	Trưởng phòng Đầu tư
2002 – 2015	CTCP Chứng khoán Agribank	Tổng Giám đốc
2017 – 12/2019	Công ty Cổ phần Chứng khoán CV	Tổng Giám đốc

➤ *Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc:*

Tháng 6/2018: Chấp thuận Đơn từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Xuân Công

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng nhân viên: Với cơ cấu nhân sự gọn nhẹ, tại thời điểm 31/12/2019, CVS có 29 cán bộ, nhân viên.
- Các chính sách đối với người lao động:

Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách của Nhà nước.

Khen thưởng đối với cá nhân có đóng góp hữu ích, có biện pháp kỷ luật với cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.

*3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.



**4. Tình hình tài chính:**
**a) Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tỷ đồng)	Năm 2019 (tỷ đồng)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	35,99	16,67	-53,68
Doanh thu thuần	1,926	4,487	+132,97
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(14,89)	(18,70)	-25,59
Lợi nhuận khác	(0,065)	(0,48)	-638,46
Lợi nhuận trước thuế	(14,95)	(19,18)	-28,29
Lợi nhuận sau thuế	(14,95)	(19,18)	-28,29
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	30,4	15,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	30,4	15,59	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	2,6%	4,8%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,7%	5,1%	
<i>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-634%	-427%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-42,7%	-120%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-41,5%	-115%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: Tại ngày 31/12/2019, CVS có 07 cổ đông với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, được chia thành 9.000.000 (chín triệu) cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.000.000 (chín triệu) cổ phần.

- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 31/12/2019

**Cơ cấu cổ đông theo tiêu chí sở hữu**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên	7	9.000.000	100%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5%	0	0	0

**Cơ cấu cổ đông theo tiêu chí tổ chức và địa lý**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Trong nước:</b>	<b>1</b>	<b>725.000</b>	<b>8,06%</b>
	- Cá nhân	1	725.000	8,06%
	- Tổ chức	0	0	0
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>6</b>	<b>8.275.000</b>	<b>91,94%</b>
	- Cá nhân	5	4.275.000	47,50%
	- Tổ chức	1	4.000.000	44,44%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động: 29 người (tại ngày 31/12/2019)
- Bình quân “Lương và các khoản trích theo lương” năm 2019 đối với người lao động: 12,7 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài các chính sách lương, thưởng cho người lao động theo luật và quy định của Công ty, Công ty còn có các chính sách phúc lợi khác cho người lao động như: tổ chức sinh nhật, hoạt động tập thể xây dựng đội nhóm, du lịch, kiểm tra sức khỏe



định kỳ, chế độ ốm đau, thai sản...

*c) Hoạt động đào tạo người lao động*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 40 giờ/nhân viên và 60 giờ/cấp quản lý.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: hỗ trợ kinh phí học tập chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ bán hàng, kỹ năng liên quan đến công việc quản lý, phụ trách...

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Công ty thường xuyên tuyển dụng lao động để cung ứng các cơ hội việc làm đối với người lao động trên cả nước.

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty tuân thủ đúng quy định của UBCKNN và các cơ quan liên quan.*

*Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2019 là năm bản lề của Công ty khi định hướng lại hoạt động kinh doanh sau khi đã được cấp lại tư cách thành viên của các Sở giao dịch chứng khoán. Xuất phát từ đó, Ban Tổng Giám đốc đã có những cố gắng vượt bậc với mục tiêu hoạt động kinh doanh có trọng tâm, trọng điểm, dần tạo ra doanh thu, nỗ lực giảm lỗ lũy kế.

Tuy nhiên kết quả đạt được chưa như mong đợi, lý do chính xuất phát từ độ trễ trong kết quả kinh doanh của các nghiệp vụ, độ nhạy bén của các bộ phận kinh doanh chưa cao. Vì vậy, năm 2020, toàn Công ty nói chung và Ban Tổng Giám đốc nói riêng sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa, đặt ra kế hoạch kinh doanh cụ thể hơn nhằm đưa vào thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Năm 2019, Ban Tổng Giám đốc cùng với các trưởng đơn vị đã tiếp xúc được với khoảng 25 doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn tài chính, tư vấn niêm yết, đã ký một số hợp đồng khung/biên bản ghi nhớ để triển khai một phần công việc.



Trong năm 2019, theo định hướng kết nối đa phương được đặt ra trong sách lược kinh doanh, Công ty đã đón tiếp và làm việc với khoảng 12 đoàn khách hàng là doanh nghiệp và quỹ đầu tư đến từ Trung Quốc, Hồng Kông.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản:

Trong năm 2019, tổng tài sản của Công ty đã giảm 35,68%, từ 35,99 tỷ đồng tại ngày 31/12/2018 xuống còn 16,67 tỷ đồng tại ngày 31/12/2019. Tài sản ngắn hạn giảm 56,39%, xuống còn 12,54 tỷ đồng, trong đó khoản mục Tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng lớn nhất (90,82%) với 11,39 tỷ đồng. Tài sản dài hạn giảm 42,98%, xuống còn 4,12 tỷ đồng. Đến cuối năm 2019, Công ty không có nợ phải thu khó đòi.

### b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2019 là 804,76 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 4,79% trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Trong đó chủ yếu là phải trả người lao động, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, tiền mua trả trước ngắn hạn.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về cơ cấu tổ chức: Công ty đã thành lập duy trì đầy đủ các phòng, bộ phận chức năng - nghiệp vụ để hoạt động, đáp ứng tiêu chuẩn của các Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Về chính sách và quản lý: Công ty đã ban hành đầy đủ các chính sách, quy định quản lý nội bộ để vận hành hoạt động kinh doanh tron tru, ổn định.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong ngắn hạn, Công ty đã mở rộng mạng lưới kinh doanh thông qua việc thành lập văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, đã có kế hoạch mở thêm VPĐD tại nước ngoài; nghiệp vụ tư vấn được coi là hoạt động mũi nhọn và quan trọng nhất, trong đó, phát huy thế mạnh về gọi vốn đầu tư từ thị trường Hồng Kông và Trung Quốc đại lục. Bên cạnh đó, Công ty sẽ nghiên cứu, tìm kiếm con đường để thu hút các nhà đầu tư nhỏ lẻ Hồng Kông, Trung Quốc tham gia đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tăng vốn điều lệ là kế hoạch phát triển thiết yếu của Công ty trong tương lai không xa nhằm đáp ứng đủ vốn pháp định cho tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

Về trung và dài hạn, khi tiềm lực tài chính đã được củng cố, Công ty sẽ thành lập các chi nhánh và phòng giao dịch để thu hút, phục vụ khách hàng tại các đô thị lớn trên cả nước. Trong điều kiện cho phép, Công ty sẽ mở rộng kinh doanh ra nước ngoài, phục vụ mục tiêu lâu dài, gắn với sứ mệnh “Kết nối đầu tư Việt Nam – Trung Quốc”, là cầu nối dòng vốn ngoại dồi dào đến Việt Nam cũng như đưa các cơ hội



kinh doanh hấp dẫn từ Việt Nam ra thị trường quốc tế.

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không (Ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn bộ).*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của nhà nước về các chỉ tiêu môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy khả năng làm việc sáng tạo, cống hiến, với năng suất lao động cao.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty thường xuyên tuyên dụng lao động để cung ứng các cơ hội việc làm đối với người lao động trên cả nước.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

##### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Hoạt động của Công ty trong năm 2019 mặc dù đã có một số chuyển biến tốt làm tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo nhưng các thay đổi đó chưa thực sự bền vững:

- Đã đăng ký làm thành viên của các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hoạt động môi giới chưa có hiệu quả cao.
- Đã tăng cường tiếp xúc, giới thiệu sản phẩm dịch vụ của Công ty tới các khách hàng trong nước, giới thiệu thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư tới các khách hàng từ Hồng Kông, Trung Quốc nhưng lượng hợp đồng ký được chưa nhiều và doanh thu chưa cao.

##### *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Trong năm 2019, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt những công việc sau đây:

- Duy trì cơ cấu tổ chức Công ty với hệ thống các phòng ban đầy đủ, vận hành linh hoạt.
- Nâng cao hoạt động quản trị nội bộ, trong đó đề cao tính cẩn trọng và có trách nhiệm.
- Công tác nhân sự tốt, đã bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng tốt cho Công ty.
- Tiếp xúc và thiết lập được cơ sở khách hàng nhiều về số lượng, đa dạng về

đối tượng.

- Duy trì ổn định hệ thống công nghệ phục vụ hoạt động Môi giới.
- Thực hiện chi tiêu tiết kiệm trong bối cảnh doanh thu tạo ra chưa nhiều.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng vốn điều lệ để đáp ứng vốn pháp định của các nghiệp vụ, bổ sung vốn kinh doanh.
- Tăng cường tiếp xúc, kết nối khách hàng Hồng Kông, Trung Quốc.
- Tăng cường tìm kiếm doanh nghiệp tốt để cung cấp cơ hội đầu tư cho khách hàng nước ngoài.
- Mở rộng nghiệp vụ, tiện ích kinh doanh để phục vụ khách hàng.
- Củng cố công nghệ để phù hợp với bối cảnh kinh doanh chung.

## VI. Báo cáo tài chính: ĐÍNH KÈM BÁO CÁO KIỂM TOÁN.



### 1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kết toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

(Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – Kiểm toán viên **Nguyễn Tuấn Anh**)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Chi tiết Báo cáo tài chính được kiểm toán, vui lòng xem **Tài liệu đính kèm** Báo cáo thường niên này.

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC   
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV  
  
NGUYỄN KIM HẬU



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Cho cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-31



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2018 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 04/09/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Jia Minghui	Chủ tịch	
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Kim Hậu	Ủy viên	
Ông Li Zhiguo	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Công	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban	
Bà Dương Thùy Trang	Ủy viên	
Bà Đặng Thị Hương Thảo	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thu Giang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2020



Số: 250320.001/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 02 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang lỗ lũy kế là 74,13 tỷ đồng, tương ứng 82,4% vốn góp của chủ sở hữu. Những sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

---

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>12.544.733.665</b>	<b>28.762.871.661</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>11.409.949.579</b>	<b>26.556.060.169</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.395.537.548	19.558.012.224
111.1	1.1 Tiền		1.378.962.206	1.558.012.224
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		10.016.575.342	18.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	4.800.000.000
117	3. Các khoản phải thu	5	10.560.931	32.547.945
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		10.560.931	32.547.945
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		10.560.931	32.547.945
118	4. Trả trước cho người bán		3.851.100	-
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	5	-	2.165.500.000
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.134.784.086</b>	<b>2.206.811.492</b>
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	1.129.784.086	2.201.811.492
134	2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7	5.000.000	5.000.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.122.932.304</b>	<b>7.230.725.761</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.048.329.931</b>	<b>4.776.253.622</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.213.878.006	3.210.768.932
222	- Nguyên giá		4.383.992.459	5.891.510.459
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.170.114.453)	(2.680.741.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.834.451.925	1.565.484.690
228	- Nguyên giá		5.229.872.500	4.389.872.500
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.395.420.575)	(2.824.387.810)
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.074.602.373</b>	<b>2.454.472.139</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	7	615.823.110	615.628.610
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	6	338.779.263	1.718.843.529
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	10	120.000.000	120.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>16.667.665.969</b>	<b>35.993.597.422</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

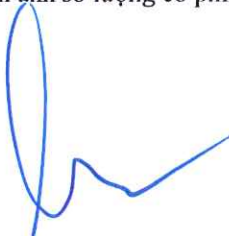
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>804.762.699</b>	<b>945.044.435</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>804.762.699</b>	<b>945.044.435</b>
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	55.263.158	191.110.573
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	-
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	217.045.358	181.562.964
323	4. Phải trả người lao động		316.164.774	522.325.025
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	43.102.223
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	116.289.409	-
329	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	6.943.650
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>15.862.903.270</b>	<b>35.048.552.987</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>15.862.903.270</b>	<b>35.048.552.987</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	90.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(74.137.096.730)	(54.951.447.013)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(74.137.096.730)	(54.951.447.013)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>16.667.665.969</b>	<b>35.993.597.422</b>




**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	15	900.000.000	900.000.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (*)		9.000.000	9.000.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		-	4.000.000.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	16	153.630.980.000	-
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		74.610.980.000	-
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		79.000.000.000	-
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		20.000.000	-
026	2. Tiền gửi của khách hàng	17	495.076.524	-
027	2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		495.076.524	-
031	3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	18	495.076.524	-
031.1	3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		495.076.524	-

(\*) : Phản ánh số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2019.


  
 Vũ Thị Thúy Hà  
 Người lập


  
 Vũ Thị Thúy Hà  
 Kế toán trưởng


  
 Nguyễn Kim Hậu  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2019


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.200.000.000	-
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1.200.000.000	-
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	45.310.325	-
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.217.250.190	-
08	1.4	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	50.000.000	-
09	1.5	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	51.036.372	-
10	1.6	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	100.000.000	2.315.500.000
11	1.7	Thu nhập hoạt động khác	1.168.443.561	43.244.020
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>3.832.040.448</b>	<b>2.358.744.020</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
26	2.1	Chi phí hoạt động tự doanh	13.900.000	-
27	2.2	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.775.417.795	-
29	2.3	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	901.607.348	302.915.976
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	48.899.304	1.666.667
31	2.5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.258.295.360	127.361.636
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>9.998.119.807</b>	<b>431.944.279</b>
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>20</b>		
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	499.975	-
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	653.936.718	1.270.150.683
44	3.3	Doanh thu khác về đầu tư	833.508	-
50		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>655.270.201</b>	<b>1.270.150.683</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>21</b>		
51	4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	115.775	-
52	4.2	Chi phí lãi vay	-	13.074.157
60		<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>115.775</b>	<b>13.074.157</b>




**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà NộiBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**


Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	22	13.189.903.369	18.072.584.700
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(18.700.828.302)	(14.888.708.433)
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	23	110.821.758	12.727.273
72	8.2 Chi phí khác	24	595.643.173	78.593.548
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(484.821.415)	(65.866.275)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	25	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>(19.185.649.717)</u>	<u>(14.954.574.708)</u>
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	26	(2.132)	(1.952)

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2019  
(Theo phương pháp gián tiếp)

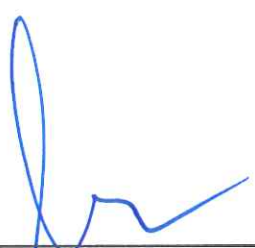
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.081.584.103	792.352.712
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.293.287.798	944.627.238
06	- Chi phí lãi vay		-	13.074.157
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(201.142.764)	(165.348.683)
08	- Dự thu tiền lãi		(10.560.931)	-
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.295.251.350	(7.481.639.065)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		4.800.000.000	(4.800.000.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		21.987.014	(32.547.945)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		2.265.500.000	(2.165.500.000)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		-	154.961.431
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		-	161.058.000
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		116.289.409	(265.304.875)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		2.452.091.672	(2.190.983.871)
44	- Lãi vay đã trả		-	(13.074.157)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(139.698.515)	834.745.573
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(43.102.223)	41.562.223
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		35.482.394	195.153.631
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(206.160.251)	522.325.025
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(6.943.650)	6.943.650
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	127.928.750
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(194.500)	(58.906.500)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(8.808.814.264)</b>	<b>(21.643.861.061)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(1.598.362.000)	(3.625.190.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		1.545.454.545	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		699.247.043	193.249.313
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>646.339.588</b>	<b>(3.431.940.687)</b>




## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	40.000.000.000
73	2. Tiền vay gốc		-	3.653.209.830
73.2	2.1 Tiền vay khác		-	3.653.209.830
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(3.653.209.830)
74.3	3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		-	(3.653.209.830)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-	<i>40.000.000.000</i>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>(8.162.474.676)</b>	<b>14.924.198.252</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>19.558.012.224</b>	<b>4.633.813.972</b>
101.1	- Tiền		1.558.012.224	4.633.813.972
101.2	- Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	-
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>11.395.537.548</b>	<b>19.558.012.224</b>
103.1	- Tiền		1.378.962.206	1.558.012.224
103.2	- Các khoản tương đương tiền		10.016.575.342	18.000.000.000

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

  
Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng


  
Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2020

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA  
KHÁCH HÀNG**  
*Năm 2019*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		405.786.978.400	-
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(401.777.114.400)	-
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		74.871.179.284	-
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(78.382.864.008)	(43.244.020)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(51.036.372)	-
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		48.183.620	-
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(250.000)	-
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>495.076.524</b>	<b>(43.244.020)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		-	43.244.020
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		-	43.244.020
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		-	43.244.020
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	17	<b>495.076.524</b>	-
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		495.076.524	-
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		495.076.524	-



Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập



Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2018		01/01/2019		Năm 2018		Năm 2019	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	90.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		50.000.000.000	90.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(39.996.872.305)	(54.951.447.013)	(14.954.574.708)	-	(19.185.649.717)	-	(54.951.447.013)	(74.137.096.730)
		(39.996.872.305)	(54.951.447.013)	(14.954.574.708)	-	(19.185.649.717)	-	(54.951.447.013)	(74.137.096.730)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.003.127.695</b>	<b>35.048.552.987</b>	<b>25.045.425.292</b>	<b>-</b>	<b>(19.185.649.717)</b>	<b>-</b>	<b>35.048.552.987</b>	<b>15.862.903.270</b>



Vũ Thị Thúy Hà  
Người lập

Vũ Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Hậu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2018 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 04/09/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và lưu ký chứng khoán.

#### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang lỗ lũy kế là 74,13 tỷ đồng, tương ứng 82,4% vốn góp của chủ sở hữu, tuy nhiên Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do:

- Theo Kế hoạch khôi phục hoạt động kinh doanh và phương hướng phát triển Công ty Cổ phần Chứng khoán CV giai đoạn 2017 - 2020, Công ty thực hiện tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng trong năm 2018 để được cấp phép lại hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành bổ sung vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHCD ngày 15/03/2018. Công ty đã nhận số vốn góp của Viet Ocean Securities (International) Financial Holdings Company Limited bằng số tiền chuyển khoản là 40.000.000.000 đồng tương ứng với 4.000.000 cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2019 theo giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 04/09/2018 là 90.000.000.000 đồng tương ứng với 9.000.000 cổ phần đang lưu hành.

- Căn cứ vào Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK ngày 11/07/2018, Ủy ban chứng khoán chấp nhận bổ sung hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV. Đồng thời, trong năm công ty đã triển khai hoạt động môi giới chứng khoán từ tháng 2/2019 với hơn 1000 khách hàng. Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động quảng bá nhằm thu hút khách hàng, đồng thời đẩy mạnh nghiệp vụ chuyên môn đối với bộ phận môi giới chứng khoán nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Trong năm 2020, với quy mô và nguồn lực hiện có, Ban lãnh đạo Công ty hoạch định chiến lược kinh doanh tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính gồm hoạt động tư vấn doanh nghiệp, tư vấn đầu tư đi kèm với các nghiệp vụ liên quan nhằm tối đa hóa nguồn thu từ các khách hàng. Công ty dự kiến tiếp tục thực hiện tăng vốn và xin giấy phép hoạt động tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán trong thời gian tới.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### 2.4 . Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 2.5 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

### 2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.7 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	08 năm

**2.8 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền cước đường truyền, cước thuê kênh,... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.



**2.12 . Doanh thu, thu nhập**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

**2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

**2.15 . Các khoản thuế**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

### 2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.17 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi hoạt động này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>400.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
- Cổ phiếu	400.000	6.000.000.000
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>36.494.762</b>	<b>807.564.092.800</b>
- Cổ phiếu	36.494.762	807.564.092.800
	<u><b>36.894.762</b></u>	<u><b>813.564.092.800</b></u>

## 4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	151.658.219	152.344
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	1.227.303.987	1.557.859.880
Các khoản tương đương tiền	10.016.575.342	18.000.000.000
	<u><b>11.395.537.548</b></u>	<u><b>19.558.012.224</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với lãi suất 5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	10.560.931	32.547.945
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	-	2.165.500.000
- <i>Phải thu hợp đồng tư vấn</i>	-	2.165.500.000
	<u><b>10.560.931</b></u>	<u><b>2.198.047.945</b></u>

**6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Chi phí thuê phần mềm Giao dịch chứng khoán Softtech	434.250.000	1.564.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	695.534.086	637.061.492
	<u><b>1.129.784.086</b></u>	<u><b>2.201.811.492</b></u>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	338.779.263	690.389.715
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	1.028.453.814
	<u><b>338.779.263</b></u>	<u><b>1.718.843.529</b></u>

**7 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC****a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê máy photocopy	5.000.000	5.000.000
	<u><b>5.000.000</b></u>	<u><b>5.000.000</b></u>

**b) Dài hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	615.823.110	615.628.610
	<u><b>615.823.110</b></u>	<u><b>615.628.610</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
		VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	3.012.985.459	2.265.880.000	612.645.000	5.891.510.459
Mua trong năm	758.362.000	-	-	758.362.000
Thanh lý, nhượng bán		(2.265.880.000)	-	(2.265.880.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.771.347.459</b>	<b>-</b>	<b>612.645.000</b>	<b>4.383.992.459</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	2.537.298.701	43.408.239	100.034.587	2.680.741.527
Khấu hao trong năm	443.384.165	189.473.868	89.397.000	722.255.033
Thanh lý, nhượng bán	-	(232.882.107)	-	(232.882.107)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>2.980.682.866</b>	<b>-</b>	<b>189.431.587</b>	<b>3.170.114.453</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	475.686.758	2.222.471.761	512.610.413	3.210.768.932
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>790.664.593</b>	<b>-</b>	<b>423.213.413</b>	<b>1.213.878.006</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.041.682.500 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm</u>
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2019	4.389.872.500
Mua trong năm	840.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>5.229.872.500</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2019	2.824.387.810
Khấu hao trong năm	571.032.765
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.395.420.575</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2019	1.565.484.690
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>1.834.451.925</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**10 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>120.000.000</u></b>	<b><u>120.000.000</u></b>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công ty luật TNHH Bizconsult	-	33.000.000
Phải trả các đối tượng khác	55.263.158	158.110.573
	<b><u>55.263.158</u></b>	<b><u>191.110.573</u></b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	154.545.455	5.727.273
Thuế Thu nhập cá nhân	59.868.324	175.835.691
Các loại thuế khác	2.631.579	-
	<b><u>217.045.358</u></b>	<b><u>181.562.964</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Trích trước tiền cước thuê kênh	116.289.409	-
	<b><u>116.289.409</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**14 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
- Nguyễn Kim Hậu	8,06%	7.250.000.000	8,06%	7.250.000.000
- Jia Minghui	9,50%	8.550.000.000	9,50%	8.550.000.000
- Li Zhong	0,00%	-	9,50%	8.550.000.000
- Li Zhiguo	9,50%	8.550.000.000	0,00%	-
- Wong Tze Lam Peter	9,50%	8.550.000.000	9,50%	8.550.000.000
- Jiang Min	9,50%	8.550.000.000	9,50%	8.550.000.000
- Jiang Wen	9,50%	8.550.000.000	9,50%	8.550.000.000
- Viet Ocean Securities (International)	44,44%	40.000.000.000	44,44%	40.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>90.000.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(74.137.096.730)	(54.951.447.013)
	<b>(74.137.096.730)</b>	<b>(54.951.447.013)</b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(54.951.447.013)	(39.996.872.305)
Lỗ đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(74.137.096.730)	(54.951.447.013)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>(74.137.096.730)</b>	<b>(54.951.447.013)</b>

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	90.000.000.000	50.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	40.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	90.000.000.000	90.000.000.000

**e) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**15 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LỖI 0**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (Chi tiết theo nhóm)	900.000.000	900.000.000
Ngoại tệ các loại		
- USD	26,90	50,00

**16 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	74.610.980.000	-
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	79.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	20.000.000	-
	<u><u>153.630.980.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

**17 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	495.076.524	-
1. Nhà đầu tư trong nước	495.076.524	-
	<u><u>495.076.524</u></u>	<u><u>-</u></u>

**18 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	495.076.524	-
1.1. Nhà đầu tư trong nước	495.076.524	-
	<u><u>495.076.524</u></u>	<u><u>-</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**19 THU NHẬP****a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Có phiếu niêm yết							
- Sàn Hà Nội	400.000	6.000.000.000	4.800.000.000	1.200.000.000	-	-	
	<b>400.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**b) Tiền lãi phát sinh từ các khoản cho vay**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền lãi từ hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	45.310.325	-
	<b>45.310.325</b>	<b>-</b>

**c) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	<b>1.168.443.561</b>	<b>43.244.020</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ quản lý phòng tòa chứng khoán	1.168.443.561	-
- Doanh thu từ việc khách hàng tắt toán tài khoản	-	43.244.020
<b>Thu nhập thuần hoạt động khác</b>	<b>1.168.443.561</b>	<b>43.244.020</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	499.975	-
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	499.975	-
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	17.016.885	193.249.313
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	636.919.833	1.076.901.370
Doanh thu hoạt động tài chính khác	833.508	-
	<b>655.270.201</b>	<b>1.270.150.683</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	115.775	-
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	115.775	-
Chi phí lãi vay	-	13.074.157
	<b>115.775</b>	<b>13.074.157</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	4.441.549.980	6.101.961.835
Chi phí vật tư văn phòng	22.178.708	66.534.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	715.979.354	787.692.779
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	949.965.884	944.627.238
Chi phí thuế, phí và lệ phí	8.728.800	52.025.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.957.588.906	7.951.261.470
Chi phí khác	1.093.911.737	2.168.481.772
	<b>13.189.903.369</b>	<b>18.072.584.700</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thuế TNCN quyết toán năm 2018	106.199.258	-
Các khoản khác	4.622.500	12.727.273
	<b>110.821.758</b>	<b>12.727.273</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	487.543.348	27.900.630
Các khoản khác	108.099.825	50.692.918
	<b>595.643.173</b>	<b>78.593.548</b>

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
Các khoản điều chỉnh tăng	108.099.825	(50.692.918)
- Chi phí không hợp lệ	108.099.825	(50.692.918)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(19.077.549.892)	(15.005.267.626)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(19.185.649.717)	(14.954.574.708)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	7.663.014
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(2.132)</b>	<b>(1.952)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản trương đương tiền	11.395.537.548	-	19.558.012.224	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	4.800.000.000	-
Các khoản phải thu	10.560.931	-	2.198.047.945	-
	<b>11.406.098.479</b>	<b>-</b>	<b>26.556.060.169</b>	<b>-</b>
			<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			55.263.158	198.054.223
Chi phí phải trả			116.289.409	-
			<b>171.552.567</b>	<b>198.054.223</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.800.000.000	-	-	4.800.000.000
	<b>4.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.800.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.395.537.548	-	-	11.395.537.548
Các khoản phải thu	10.560.931	-	-	10.560.931
	<b>11.406.098.479</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.406.098.479</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.558.012.224	-	-	19.558.012.224
Các khoản phải thu	2.198.047.945	-	-	2.198.047.945
	<b>21.756.060.169</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.756.060.169</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	55.263.158	-	-	55.263.158
Chi phí phải trả	116.289.409	-	-	116.289.409
	<b>171.552.567</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>171.552.567</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	198.054.223	-	-	198.054.223
	<u>198.054.223</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>198.054.223</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.217.250.190	1.200.000.000	1.414.790.258	3.832.040.448
Chi phí hoạt động	7.775.417.795	13.900.000	2.208.802.012	9.998.119.807
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	655.270.201
Chi phí không phân bổ	-	-	-	13.190.019.144
<b>Kết quả hoạt động</b>	<u>(6.558.167.605)</u>	<u>1.186.100.000</u>	<u>(794.011.754)</u>	<u>(18.700.828.302)</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.598.362.000	-	-	-
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.813.526.187	-	-	2.813.526.187
Tài sản không phân bổ	-	-	-	13.854.139.782
<b>Tổng tài sản</b>	<u>2.813.526.187</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.667.665.969</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	110.598.088	-	160.040.150	270.638.238
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	534.124.461
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<u>110.598.088</u>	<u>-</u>	<u>160.040.150</u>	<u>804.762.699</u>
<b>Theo khu vực địa lý</b>				

Toàn bộ doanh thu, chi phí của Công ty đều phát sinh trên địa bàn Hà Nội nên không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA,  
360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

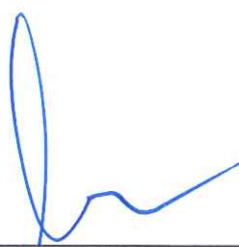
	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Mua hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
Ông Li Zhiguo	Ủy viên hội đồng quản trị	842.763.159	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	750.000.000	950.000.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	750.000.000	950.000.000

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



\_\_\_\_\_  
**Vũ Thị Thúy Hà**  
Người lập



\_\_\_\_\_  
**Vũ Thị Thúy Hà**  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Kim Hậu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2020